

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BEAR FACTORY**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BEAR FACTORY

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BEAR FACTORY SERVICE JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110282734

**3. Ngày thành lập:** 13/03/2023

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 217 phố Trích Sài, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0912022288

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                            | Mã ngành    |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết:<br>Đại lý bán hàng hóa<br>Môi giới mua bán hàng hóa<br>(Trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                       | 4610        |
| 2.  | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống                                                                                                                                                                                               | 4620        |
| 3.  | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                     | 4633        |
| 4.  | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                                                                                                                                                 | 4641        |
| 5.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác<br>Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh<br>Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự<br>Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu | 4649        |
| 6.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                                                              | 4663        |
| 7.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>(Loại trừ hoạt động đấu giá và hoạt động nhà nước cấm)                                                                                                                                                          | 4669        |
| 8.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Xuất nhập khẩu những mặt hàng công ty kinh doanh<br>- Hoạt động nhượng quyền thương mại                                                                                    | 8299        |
| 9.  | Bán buôn tổng hợp<br>(Trừ hoạt động nhà nước cấm và hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                               | 4690(Chính) |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 10. | Sản xuất sợi                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 1311 |
| 11. | Sản xuất vải dệt thoi                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 1312 |
| 12. | Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 1391 |
| 13. | Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 1392 |
| 14. | Sản xuất thảm, chăn, đệm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 1393 |
| 15. | Sản xuất các loại dây bện và lưới                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 1394 |
| 16. | Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 1399 |
| 17. | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 1410 |
| 18. | Sản xuất sản phẩm từ da lông thú                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 1420 |
| 19. | Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 1430 |
| 20. | Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 1512 |
| 21. | Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 1629 |
| 22. | Sản xuất hoá chất cơ bản                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 2011 |
| 23. | Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 2393 |
| 24. | Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ hàng gốm sứ, thủy tinh lưu động hoặc tại chợ<br>- Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ lưu động hoặc tại chợ<br>- Bán lẻ đồng hồ, kính mắt lưu động hoặc tại chợ<br>( Không bao gồm: -Hoạt động của đấu giá viên,-Bán lẻ súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao;-Bán lẻ tem và tiền kim khí;) | 4789 |
| 25. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>( Trừ đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4791 |
| 26. | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu<br>( Trừ đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4799 |
| 27. | Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4751 |
| 28. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4753 |
| 29. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                  | 4759 |
| 30. | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4761 |
| 31. | Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4762 |
| 32. | Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4763 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                     |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 33. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                    | 4771 |
| 34. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ tranh, tượng và các tác phẩm nghệ thuật khác mang tính thương mại; | 4773 |

**6. Vốn điều lệ:** 5.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 5.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông       | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                               | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|-------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | LÂM THỊ NGỌC LINH | P0902, Tòa S1, Chung cư Sunshinecity, Phường Đông Ngạc, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 1.250      | 1.250.000.000         | 25,000    | 036188005830                                                                                |         |
|     |                   |                                                                                                      | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                                      | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                                      | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                                      | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                                      | Tổng số                   | 1.250      | 1.250.000.000         | 25,000    |                                                                                             |         |

|   |                      |                                                                                                                           |                                    |       |               |        |                  |
|---|----------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|-------|---------------|--------|------------------|
| 2 | VŨ NGỌC<br>ÁNH DƯƠNG | P0902, Tòa S1,<br>Chung cư<br>Sunshinecity,<br>Phường Đông<br>Ngạc, Quận Bắc<br>Từ Liêm, Thành<br>phố Hà Nội, Việt<br>Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 1.250 | 1.250.000.000 | 25,000 | 0310850029<br>31 |
|   |                      |                                                                                                                           | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0     | 0             | 0,000  |                  |
|   |                      |                                                                                                                           | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0     | 0             | 0,000  |                  |
|   |                      |                                                                                                                           | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0     | 0             | 0,000  |                  |
|   |                      |                                                                                                                           | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0     | 0             | 0,000  |                  |
|   |                      |                                                                                                                           | Tổng số                            | 1.250 | 1.250.000.000 | 25,000 |                  |
| 3 | TRẦN THANH<br>TÙNG   | Số 24 Hàng Bồ,<br>Phường Hàng Bồ,<br>Quận Hoàn Kiếm,<br>Thành phố Hà<br>Nội, Việt Nam                                     | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 1.250 | 1.250.000.000 | 25,000 | 0010840067<br>89 |
|   |                      |                                                                                                                           | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0     | 0             | 0,000  |                  |
|   |                      |                                                                                                                           | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0     | 0             | 0,000  |                  |
|   |                      |                                                                                                                           | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0     | 0             | 0,000  |                  |
|   |                      |                                                                                                                           | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0     | 0             | 0,000  |                  |
|   |                      |                                                                                                                           | Tổng số                            | 1.250 | 1.250.000.000 | 25,000 |                  |
| 4 | NGUYỄN THU<br>HƯƠNG  | Số 24 Hàng Bồ,<br>Phường Hàng Bồ,<br>Quận Hoàn Kiếm,<br>Thành phố Hà<br>Nội, Việt Nam                                     | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 1.250 | 1.250.000.000 | 25,000 | 0011850088<br>88 |
|   |                      |                                                                                                                           | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0     | 0             | 0,000  |                  |
|   |                      |                                                                                                                           | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0     | 0             | 0,000  |                  |
|   |                      |                                                                                                                           | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0     | 0             | 0,000  |                  |
|   |                      |                                                                                                                           | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0     | 0             | 0,000  |                  |
|   |                      |                                                                                                                           | Tổng số                            | 1.250 | 1.250.000.000 | 25,000 |                  |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức | Loại cổ<br>phần | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ; giá trị<br>tương đương<br>bằng tiền nước<br>ngoài, nếu có) | Tỷ lệ<br>(%) | Số hộ chiếu<br>đối với cá<br>nhân; Mã<br>số doanh<br>nghiệp đối<br>với doanh<br>nghiệp; Số<br>Quyết định<br>thành lập<br>đối với tổ<br>chức | Ghi<br>chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: LÂM THỊ NGỌC LINH

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 09/06/1988

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 036188005830

Ngày cấp: 05/05/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: TDP Đông Ngạc 2, Phường Đông Ngạc, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: P0902, Tòa S1, Chung cư Sunshinecity, Phường Đông Ngạc, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội